

04.2019

BẢN TIN PHÁP LUẬT



VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TÔ ĐÌNH HUY

Điện thoại: 02838991104 – 0978845617

Tổng đài: 1900 6279

Email: info@luatsuhcm.com

Website: luatsuhcm.com

NỘI DUNG CHÍNH

PHẦN 1: Một số điểm doanh nghiệp cần lưu ý khi thực hiện hoạt động khuyến mại

PHẦN 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản có hiệu lực trong tháng

1. Điểm mới về kiểm toán nội bộ
2. Điểm mới về lệ phí trước bạ nhà đất, ô tô
3. Điểm mới về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước
4. Quy định mới về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2019

PHẦN 3: Một số văn bản có hiệu lực trong tháng

PHẦN 1. MỘT SỐ ĐIỂM DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KHUYẾN MẠI

Dẫn nhập

Khuyến mại là một hoạt động không thể thiếu đối với hầu hết mọi doanh nghiệp hiện nay nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Luật Thương mại (LTM) và các văn bản hướng dẫn thi hành điều chỉnh hoạt động khuyến mại thông qua các quy định cụ thể như về chủ thể thực hiện khuyến mại; các hình thức khuyến mại; hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại; hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại; các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại và quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại. Các quy định này giúp doanh nghiệp thực hiện hoạt động khuyến mại của mình trong khuôn khổ pháp luật quy định.



Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xin nêu ra một số quy định pháp luật mà doanh nghiệp cần lưu ý khi thực hiện hoạt động khuyến mại.

1. Chủ thể thực hiện hoạt động khuyến mại

Khoản 2 Điều 88 LTM quy định chủ thể được thực hiện khuyến mại bao gồm: (i) thương nhân trực tiếp thực hiện khuyến mại hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh và (ii) thương nhân

kinh doanh dịch vụ khuyến mại. Để làm rõ nhóm đối tượng thứ hai, LTM quy định thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại là thương nhân thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác trên cơ sở hợp đồng.

Như vậy, chủ thể thực hiện hoạt động khuyến mại phải là thương nhân¹.

Bên cạnh đó, để xác định rõ quyền khuyến mại của thương nhân, Điều 91 LTM quy định: Thương nhân Việt Nam, Chi nhánh của thương nhân Việt Nam, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có quyền tự tổ chức khuyến mại hoặc thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện việc khuyến mại cho mình. Văn phòng đại diện của thương nhân không được khuyến mại hoặc thuê thương nhân khác thực hiện khuyến mại tại Việt Nam cho thương nhân mà mình đại diện. Như vậy, theo quy định trên, tất cả các loại hình doanh nghiệp và chi nhánh được thành lập hợp pháp và có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam đều được quyền thực hiện hoạt động khuyến mại.

2. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại và được khuyến mại

LTM quy định hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại phải là hàng hóa, dịch vụ được kinh doanh hợp pháp.

(i) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại là hàng hóa, dịch vụ được thương nhân sử dụng các hình thức khuyến mại để xúc tiến việc bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ đó (Khoản 1 Điều 93 LTM). Tiền cũng có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.

Tuy nhiên, không phải mọi hàng hóa, dịch vụ đều được khuyến mại. Khoản 1 Điều 5 Nghị định 81/2018/NĐ-CP loại trừ các loại hàng hóa, dịch vụ không được khuyến mại, bao gồm: rượu, xì số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân

kinh doanh thuốc) dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ khác bị cấm khuyến mại theo quy định của pháp luật.

(ii) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là hàng hóa, dịch vụ được thương nhân dùng để tặng, thưởng, cung ứng không thu tiền cho khách hàng. Hàng hóa, dịch vụ này có thể là hàng hóa, dịch vụ mà thương nhân đó đang kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ khác (khoản 1 và khoản 2 Điều 94 LTM).

Không phải mọi hàng hóa, dịch vụ đều có thể được dùng để khuyến mại. Khoản 2 Điều 5 Nghị định 81/2018/NĐ-CP loại trừ những hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xì số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại khác theo quy định của pháp luật.

Để nhằm ngăn chặn các doanh nghiệp lợi dụng khuyến mại để bán phá giá hàng hóa, dịch vụ, Điều 6 và Điều 7 Nghị định 81/2018/NĐ-CP quy định:

- *Hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại như sau:*

- + Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại.

¹ Điều 6 Luật Thương mại quy định: Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân

hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

- + Tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại mà thương nhân thực hiện trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại.
- + Hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là 100% được áp dụng đối với:
 - Các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung.
 - Các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại như sau:

- + Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.
- + Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại là 100% được áp dụng đối với:
 - Các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung.
 - Các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- + Không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho:

- Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước;
- Hàng thực phẩm tươi sống;
- Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

Như vậy, pháp luật đã loại trừ một số loại hàng hóa, dịch vụ không được khuyến mại cũng như không được dùng để khuyến mại. Đối với hàng hóa, dịch vụ được dùng để khuyến mại, để tránh tình trạng bán phá giá, pháp luật đã có những hạn chế về hạn mức tối đa giá trị hàng hóa dịch vụ và mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ.

3. Trình tự, thủ tục thông báo/dăng ký khuyến mại

Để triển khai thực hiện chương trình khuyến mại, thương nhân phải thực hiện trình tự thủ tục *dăng ký hoặc thông báo* đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, một số hình thức khuyến mại phải gửi thông báo bằng văn bản đến Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại.

(i) Thông báo hoạt động khuyến mại

- Các hình thức khuyến mại cần được thông báo:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, các hình thức khuyến mại phải được thông báo thực hiện khuyến mại tại Sở Công Thương, gồm:

- Đưa hàng hoá mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền.
- Tặng hàng hoá cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền.
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ

trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá).

- Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ.
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố.
- Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác.
- Tổ chức cho khách hàng tham gia các chương trình văn hóa, nghệ thuật, giải trí và các sự kiện khác vì mục đích khuyến mại.

Như vậy, không phải mọi hình thức khuyến mại đều phải thông báo đến Sở Công thương. Hình thức khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi và các hình thức khuyến mại khác nếu được cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chấp thuận thì không phải thông báo trước khi thực hiện. Thay vào đó, thương nhân phải thực hiện thủ tục đăng ký khuyến mại khi thực hiện các hoạt động khuyến mại này.

- Về nội dung thông tin cần được thông báo khuyến mại:

Các thông tin phải được thông báo công khai được quy định tại Điều 97 LTM, bao gồm:

- + Tên của hoạt động khuyến mại;
- + Giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ khuyến mại và các chi phí có liên

quan để giao hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại cho khách hàng;

- + Tên, địa chỉ, số điện thoại của thương nhân thực hiện khuyến mại;
- + Thời gian khuyến mại, ngày bắt đầu, ngày kết thúc và địa bàn hoạt động khuyến mại;
- + Trường hợp lợi ích của việc tham gia khuyến mại gắn với các điều kiện cụ thể thì trong thông báo phải nêu rõ hoạt động khuyến mại đó có kèm theo điều kiện và nội dung cụ thể của các điều kiện.

- Về cách thức thông báo khuyến mại:

Cách thức thông báo khuyến mại được quy định tại Điều 98 LTM.

Việc thông báo khuyến mại *hàng hóa* được thực hiện theo một trong các cách thức sau đây:

- + Tại địa điểm bán hàng hóa và nơi để hàng hóa bày bán;
- + Trên hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa;
- + Bất kỳ cách thức nào khác nhưng phải được đính kèm với hàng hóa khi hàng hóa được bán.

Việc thông báo khuyến mại *dịch vụ* được thực hiện theo một trong các cách thức sau đây:

- + Tại địa điểm cung ứng dịch vụ;
- + Cách thức khác nhưng phải được cung cấp kèm với dịch vụ khi dịch vụ đó được cung ứng.

- Về thủ tục thông báo khuyến mại đến Sở Công Thương:

Thủ tục thông báo khuyến mại đến Sở Công Thương được quy định tại Điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP. Doanh nghiệp trước khi thực hiện chương trình khuyến mại, phải thực hiện

thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại).

Thời hạn gửi hồ sơ: Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương *tối thiểu trước 03 ngày làm việc*² trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại:

Không phải trường hợp nào thương nhân cũng phải thực hiện thủ tục thông báo khuyến mại. Ngoài trường hợp thực hiện hình thức khuyến mại không phải thông báo như đã trình bày ở trên, thương nhân thực hiện khuyến mại không phải thực hiện thủ tục thông báo khuyến mại, nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Thực hiện các chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;
- Chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.

(ii) Đăng ký khuyến mại

- **Các hình thức khuyến mại cần được đăng ký:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, các hình thức khuyến mại phải được đăng ký với Sở Công thương, gồm:

- Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi).
- Các hình thức khuyến mại khác nếu được cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chấp thuận.

Như vậy, các hình thức khuyến mại trên không thuộc các hình thức khuyến mại cần phải thông báo. Thay vào đó, doanh nghiệp khi thực hiện các hình thức khuyến mại trên phải thực hiện thủ tục đăng ký khuyến mại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về nội dung thông tin cần được công khai:

Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

- Tên thương nhân thực hiện;
- Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại;
- Thời gian thực hiện khuyến mại;
- Địa bàn thực hiện khuyến mại.

- Về cách thức đăng ký hoạt động khuyến mại:

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

- Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

² Luật quy định là thông báo nhưng thực tế các Sở xem xét đề nghị điều chỉnh, bổ sung (thủ tục tương tự đăng ký

khuyến mại). Do đó để đảm bảo kịp thời gian cần lưu ý thông báo sớm.

- Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
 - Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.
- **Về thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền:**

Thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại được quy định tại Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP. Doanh nghiệp trước khi thực hiện chương trình khuyến mại, phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký hoạt động khuyến mại và phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động khuyến mại:

- Sở Công Thương (đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).
- Bộ Công Thương (đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác).

Thời hạn xác nhận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc

đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại của doanh nghiệp; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

4. Các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại

Để nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, Điều 100 LTM quy định cụ thể 10 các hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại, gồm:

- Khuyến mại cho hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép cung ứng.
- Sử dụng hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép cung ứng.
- Khuyến mại hoặc sử dụng rượu, bia để khuyến mại cho người dưới 18 tuổi.
- Khuyến mại hoặc sử dụng thuốc lá, *rượu có độ cồn từ 15 độ trở lên*³ để khuyến mại dưới mọi hình thức.
- Khuyến mại thiếu trung thực hoặc gây hiểu lầm về hàng hoá, dịch vụ để lừa dối khách hàng.
- Khuyến mại để tiêu thụ hàng hoá kém chất lượng, làm phương hại đến môi trường, sức khoẻ con người và lợi ích cộng đồng khác.
- Khuyến mại tại trường học, bệnh viện, trụ sở của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân.

³ Đây là điểm đã được sửa đổi theo điểm a khoản 3 Điều 35 Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia 2019. Trước

đây, Luật Thương mại quy định cấm khuyến mại rượu có nồng độ cồn từ 30 độ trở lên.

- Hứa tặng, thưởng nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng.
- Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh.
- Thực hiện khuyến mại mà giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại vượt quá hạn mức tối đa hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại quá mức tối đa.

5. Quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại

(i) Thẩm quyền quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại

Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại, bao gồm các nội dung quản lý sau:

- Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại thuộc thẩm quyền.
- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về hoạt động khuyến mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến khuyến mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến khuyến mại.
- Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại.

Sở Công thương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động khuyến mại tại địa phương và báo cáo hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

(ii) Chấm dứt hoạt động khuyến mại đang thực hiện

Đề thương nhân thực hiện nghiêm chương trình khuyến mại, Điều 22 Nghị định 81/2018/NĐ-CP quy định thương nhân thực hiện khuyến mại không được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp sau:

- Trường hợp bất khả kháng.
- Trường hợp đã thực hiện khuyến mại hết số lượng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, phát hành hết số lượng bằng chứng xác định trúng thưởng đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận.
- Trường hợp bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần chương trình khuyến mại của thương nhân.

(iii) Hành vi vi phạm về khuyến mại và xử lý vi phạm hành chính

Hành vi vi phạm về khuyến mại được quy định tại Điều 48 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP. Tùy vào hành vi vi phạm, doanh nghiệp có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Mức tiền phạt có thể gấp hai lần trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Ngoài hình thức xử phạt chính là phạt tiền, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật và biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc tiêu hủy hàng hóa, buộc hủy bỏ kết quả đã mở thưởng và tổ chức mở thưởng lại, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Kết luận: Trên đây là một số quy định của pháp luật về hoạt động khuyến mại. Các doanh nghiệp cần nắm rõ các quy định này nhằm mục đích thực hiện đúng quy định pháp luật, hạn chế rủi ro pháp lý khi thực hiện hoạt động khuyến mại.

PHẦN 2. TÓM TẮT ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Điểm mới về kiểm toán nội bộ

Ngày 22/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2019 và được coi là khung pháp lý toàn diện đầu tiên điều chỉnh hoạt động kiểm toán nội bộ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ.

Theo đó, từ ngày 01/4/2019, các đối tượng mà pháp luật chuyên ngành có quy định phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Đối với những nội dung mà pháp luật chuyên ngành không có quy định thì vận dụng theo quy định tại Nghị định này để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ. Quy trình kiểm toán nội bộ bao gồm:

- Quy định và hướng dẫn chi tiết về phương thức đánh giá rủi ro;
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán;
- Lập và gửi báo cáo kiểm toán;
- Theo dõi, giám sát chỉnh sửa sau kiểm toán;
- Theo dõi thực hiện kiến nghị sau kiểm toán;
- Lưu hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ.

2. Điểm mới về lệ phí trước bạ nhà đất, ô tô

Ngày 21/02/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2019.

Theo đó, Nghị định mới đã sửa đổi, bổ sung các nội dung như sau:

- Bổ sung quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với đất, cụ thể: giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ. Như vậy, Nghị định mới đã bổ sung quy định về giá tính lệ phí trước bạ đối với trường hợp thuê đất của Nhà nước trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và khi thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất được quy định tại Bảng giá đất thì giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá đất} & & & & \\ \text{của thời} & & & & \\ \text{hạn thuê} & & & & \\ \text{đất tính lệ} & & & & \\ \text{phí trước} & & & & \\ \text{bạ} & & & & \end{array} = \begin{array}{ccccc} \text{Giá đất} & & & & \\ \text{tại Bảng} & & & & \\ \text{giá} & & & & \\ \text{đất/70} & & & & \\ \text{năm} & & & & \end{array} \times \begin{array}{ccccc} \text{Thời} & & & & \\ \text{hạn} & & & & \\ \text{thuê} & & & & \\ \text{đất} & & & & \end{array}$$

- Bổ sung quy định về miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ: khi cá nhân, tổ chức đã được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản.
- Sửa đổi khoản 5 Điều 7 về mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%): Ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (Ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống. Ở lần nộp lệ phí trước bạ thứ hai trở đi, mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

3. Điểm mới về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước

Ngày 28/12/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 136/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2019. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới, thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Theo đó, Thông tư mới đã sửa đổi, bổ sung các nội dung của Thông tư 13/2017/TT-BTC như sau:

- Bổ sung khoản 4 Điều 5 về tổ chức thu tiền mặt như sau: các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại ngân hàng thương mại thực hiện nộp ngân sách nhà nước bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt hoặc nộp bằng tiền mặt tại ngân hàng thương mại để chuyển nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước.
- Sửa đổi khoản 1 Điều 6 về nội dung chi bằng tiền mặt, đặc biệt là trường hợp chi thanh toán cá nhân cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thuộc diện bắt buộc phải thanh toán bằng chuyển khoản theo quy định tại Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 thì nội dung chi trả bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương; chi bổ sung thu nhập; tiền điện thoại đối với các chức danh có tiêu chuẩn; các khoản thanh toán cho cá nhân thực hiện chế độ giao khoán kinh phí theo quy định và các khoản chi thanh toán cho cá nhân khác.
- Sửa đổi Điều 7 về đăng ký rút tiền mặt: các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước đăng ký nhu cầu rút tiền mặt cho từng ngày thanh toán hoặc đăng ký cho nhiều ngày thanh toán khác nhau, song phải nêu rõ số lượng và thời điểm rút tiền mặt tại từng ngày thanh toán.
- Sửa đổi Điều 8 về rút tiền mặt tại ngân hàng: điểm nổi bật của quy định này là các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước khi thực hiện giao dịch với đơn vị Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại có nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt từ 100 triệu đồng trở lên trong một lần giao dịch thì thực hiện rút tiền mặt tại ngân hàng thương mại nơi đơn vị Kho bạc Nhà nước mở tài khoản; trừ các trường hợp:

+ Đơn vị có khoản nộp vào Kho bạc Nhà nước và khoản chi bằng tiền mặt trong cùng một lần giao dịch; đảm bảo sau khi bù trừ, số chi thực tế bằng tiền mặt tại Kho bạc Nhà nước có giá trị không quá 100 triệu đồng;

+ Đơn vị Kho bạc Nhà nước trực tiếp chi trả tiền đền bù, hỗ trợ cho người dân theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Thông tư này được áp dụng đối với các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước và các đơn vị giao dịch.

4. Quy định mới về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng muối, trúng gia cầm năm 2019

Ngày 04/3/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 04/2019/TT-BTC quy định về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng muối, từng gia cầm năm 2019. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/4/2019 đến hết ngày 31/12/2019.

Theo đó, lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2019 được quy định cụ thể như sau:

- Trứng gia cầm là trứng thương phẩm không có phôi, gồm: trứng gà (mã số hàng hóa 047.21.00 và 047.90.10); trứng vịt, ngan (mã số hàng hóa 047.29.10 và 047.90.20) và loại khác (mã số hàng hóa 0407.29.90 và 0407.90.90): tổng lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu là 55.181 tấn;
- Muối (mã số hàng hóa 2501): số lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu là 110.000 tấn.

Bên cạnh đó, đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu được quy định như sau:

- Mặt hàng trứng gia cầm: hạn ngạch thuế quan nhập khẩu trứng gia cầm được phân giao cho thương nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu.
- Mặt hàng muối: hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối được phân giao cho thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hóa chất và làm nguyên liệu sản xuất thuốc, sản phẩm y tế.

PHẦN 3. MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
	NGHỊ ĐỊNH	
1.	Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ	01/4/2019
2.	Nghị định 19/2019/NĐ-CP quy định về họ, hội, biểu, phường	05/4/2019
3.	Nghị định 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ	10/4/2019

4.	Nghị định 22/2019/NĐ-CP quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong công an nhân dân	15/4/2019
5.	Nghị định 23/2019/NĐ-CP về hoạt động triển lãm	15/4/2019
6.	Nghị định 25/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền	22/4/2019
7.	Nghị định 24/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi	25/4/2019
8.	Nghị định 26/2019/NĐ-CP quy định về việc quản lý hoạt động tàu cá trên các vùng biển Việt Nam	25/4/2019
THÔNG TƯ – QUYẾT ĐỊNH		
9.	Thông tư 11/2018/TT-BNNPTNN ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chợ đầu mối, chợ đầu giá nông lâm thủy sản – yêu cầu đảm bảo an toàn thực phẩm	01/4/2019
10.	Thông tư 136/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước	01/4/2019
11.	Quyết định 04/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	01/4/2019
12.	Quyết định 07/2019/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao	01/4/2019
13.	Quyết định 09/2019/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	02/4/2019
14.	Quyết định 10/2019/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Biên giới quốc gia trực thuộc Bộ Ngoại giao	05/4/2019

15.	Quyết định 11/2019/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao	05/4/2019
16.	Thông tư 10/2019/TT-BTC hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn Nhà nước	06/4/2019
19.	Thông tư 01/2019/TT-BYT quy định việc thực hiện điều trị nội trú ban ngày tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền	15/4/2019
20.	Quyết định 08/2019/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	15/4/2019
21.	Quyết định 12/2019/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ	15/4/2019
23.	Thông tư 04/2019/TT-BCT quy định về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2019	17/4/2019
24.	Thông tư 01/2019/TT-BTTTT về việc quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc và Giám đốc Sở Thông tin và truyền thông	19/4/2019
25.	Thông tư 02/2019/TT-BTTTT hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	22/4/2019

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hì vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.